

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-ST

Ngày: 16-9-2022.

“V/v tranh chấp về hợp đồng thi công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Kiều.

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Phạm Thị Thanh Hương, kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 873/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 về *“tranh chấp về hợp đồng thi công”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 63/2021/QĐST – DS ngày 22 tháng 10 năm 2021, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 29/2022/QĐST – DS ngày 15 tháng 8 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 26/2022/TB –TA ngày 15 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2022/QĐST- DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số xx, tổ X, ấp Y, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Hoàng V, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Số 249, ấp N, xã NM, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Đào Văn M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số XX, đường N, khóm M, Phường Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Đ (có ông Dương Hoàng V là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Năm 2017, ông M hợp đồng thuê anh Đ thi công một số hạng mục của công trình trường tiểu học Lê Thánh Tông và trường mầm non thuộc xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh. Hai bên không làm hợp đồng bằng văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Anh Đ đã thực hiện thi công các công việc như sau:

Trường tiểu học Lê Thánh Tông với các hạng mục:

- Xây lan can: $48\text{m} \times 230.000\text{đ}/\text{m} = 11.040.000\text{đ}$.
- Tô si nô: $113\text{m} \times 200.000\text{đ}/\text{m} = 22.600.000\text{đ}$.
- Tô si nô trong: $174\text{m} \times 40.000\text{đ}/\text{m} = 6.960.000\text{đ}$.
- Tô vách trong: $150\text{m}^2 \times 35.000\text{đ}/\text{m}^2 = 5.250.000\text{đ}$.
- Tô cánh én: $8 \text{ cái} \times 1.000.000\text{đ}/\text{cái} = 8.000.000\text{đ}$.
- Tô vách song (vách ngoài): $96\text{m}^2 \times 50.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.800.000\text{đ}$.
- Tô trần: $470\text{m}^2 \times 45.000\text{đ}/\text{m}^2 = 21.150.000\text{đ}$.

Trường mầm non: Tô si nô: $8,5\text{m} \times 20.000\text{đ}/\text{m} = 17.000.000\text{đ}$.

Tổng giá trị thi công 96.800.000đồng. Anh Đ đã tạm ứng của ông M số tiền là 52.800.000đồng, còn lại 44.000.000đồng. Ông M có ghi giấy xác nhận khối lượng anh Đ đã làm là 44.000.000đồng vào ngày 26/02/2018.

Ngày 25/6/2018, ông M tiếp tục xác nhận khối lượng thi công số tiền 44.000.000đồng. Anh Đ nhiều lần yêu cầu ông M tiếp tục thanh toán nhưng ông M không trả với lý do là chủ đầu tư công trình chưa thanh toán tiền cho ông M.

Nay, anh Nguyễn Hoàng Đ (có ông Dương Hoàng Vũ là người đại diện hợp pháp) yêu cầu ông Đào Văn M trả cho anh Đ số tiền thi công công trình còn nợ lại 44.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn, ông Đào Văn M trình bày:

Ông M có quen biết anh Đ do trước đây các bên có hợp tác làm một số công trình. Đối với công trình là trường tiểu học Lê Thánh Tông và trường mầm non xã Tân Thuận Tây là do Công ty TNHH Hữu Trí trúng thầu xây dựng từ năm 2017 - 2018. Ông M cũng là người thực hiện thi công một số hạng mục của hai công trình nêu trên cho công ty TNHH Hữu Trí.

Trong quá trình thực hiện công trình, ông M có giới thiệu cho anh Đ thực hiện một số hạng mục trong công trình. Ông M thừa nhận giấy xác nhận khối lượng công trình ngày 26/02/2018 là do ông M trực tiếp viết và ký xác nhận. Các tờ giấy ghi ngày 17/12/2017 và ngày 25/6/2018 đều do ông M viết với cùng một mục đích là xác định phần khối lượng các hạng mục do anh Đ đã thực hiện để làm cơ sở tổng hợp các phần đã thực hiện của các đội thi công báo lên Công ty TNHH Hữu Trí để Công ty thanh toán tiền lại cho các đơn vị thi công. Trong quá

trình này, ông M là người nhận tiền và thanh toán lại cho các đơn vị đã thi công. Năm 2019, do đơn vị thi công công trình không đạt chất lượng nên có tiến hành sửa chữa, ông M có yêu cầu anh Đ sửa chữa nhưng anh Đ không thực hiện. Kể từ thời điểm này đơn vị thi công của ông M không tiếp tục thi công và phía Công ty cũng không tiếp tục chi trả tiền cho các đơn vị đã thi công.

Ông M không đồng ý theo yêu cầu của anh Đ vì ông M không có trách nhiệm trả tiền thi công cho anh Đ. Trường hợp anh Đ yêu cầu thì phải yêu cầu công ty TNHH Hữu Trí. Ông M chỉ xác nhận khối lượng thi công chứ không phải là người thanh toán tiền cho anh Đ vì cả ông M và ông Đ đều làm thuê cho đơn vị thi công. Ông M không có thuê anh Đ.

Trong trường hợp anh Đ giao lại cho ông M các tài liệu, chứng cứ hiện tại anh Đ đang giữ gồm có: hợp đồng giao nhận khoán giữa ông M với ông Đ; biên bản xác nhận sửa chữa xong các tồn đọng do công việc thi công chưa đạt theo yêu cầu; Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng sau khi khắc phục xong khối lượng tồn đọng do anh Đ làm sai sót; Biên bản xác nhận thỏa thuận chi phí sửa chữa lại hạng mục do anh Đ thi công được xác nhận bởi công ty TNHH Hữu Trí ông M và anh Đ thì ông Đ mới có cơ sở yêu cầu công ty TNHH Hữu Trí thanh toán số tiền cho anh Đ theo yêu cầu của anh Đ. Ông M chỉ hỗ trợ anh Đ chứ không có trách nhiệm phải thanh toán tiền cho anh Đ. Do đó, ông M không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của anh Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án như: thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng thi công. Bị đơn có địa chỉ tại phường 3, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn xác định việc nguyên đơn, bị đơn có thỏa thuận thực hiện thi công một số hạng mục thuộc công trình là trường tiểu học Lê Thánh Tông và trường mầm non xã Tân Thuận Tây là có thật. Việc này được các đương sự thống nhất thừa nhận trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa. Trong quá trình thực hiện công trình, ông M cũng thừa nhận việc anh Đ thực hiện một số hạng mục với tổng giá trị là 96.800.000đồng, đã ứng trước 52.800.000đồng, còn lại là 44.000.000đồng, nội dung này cũng được các đương sự thông nhất thừa nhận.

[2.2] Xét tài liệu, chứng cứ là giấy xác nhận khối lượng do nguyên đơn xuất trình, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần giá trị thi công còn lại với số tiền là 44.000.000đồng được ông M thừa nhận thông qua việc ông M thừa nhận giấy xác nhận khối lượng công trình ngày 26/02/2018 là do ông M trực tiếp viết. Các tờ giấy ghi ngày 17/12/2017 và ngày 25/6/2018 đều do ông M viết. Tuy nhiên, ông M cho rằng việc xác nhận khối lượng thi công cho anh Đ là để làm căn cứ cho giám sát công trình tổng hợp báo cáo lên nhà thầu là công ty TNHH Hữu Trí thanh toán tiền cho các đội thi công chứ ông M không có trách nhiệm phải thanh toán tiền cho anh Đ. Mặt khác, ông M cho rằng các hạng mục mà anh Đ thi công không đạt chất lượng nhưng anh Đ không thực hiện việc sửa chữa lại theo yêu cầu của nhà thầu xây dựng và các đội thi công không tiếp tục thực hiện thi công nên ông M không thanh toán được tiền với nhà thầu.

[2.3] Căn cứ vào Công văn số 97/DA-NCĐT ngày 15/8/2022 của Ban quản lý dự án nâng cấp đô thị thành phố Cao Lãnh cung cấp thông tin liên quan đến việc xây dựng hai công trình Trường mầm non Tân Thuận Tây và trường tiểu học Lê Thánh Tông như sau: *“..... 1 - Trường mầm non Tân Thuận Tây 1 (điểm chính)... khởi công vào tháng 4/2016 và hoàn thành tháng 12/2018. Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng tháng 3/2019. 2 - Trường tiểu học Lê Thánh Tôngkhởi công vào tháng 4/2016 và hoàn thành tháng 9/2018. Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng tháng 3/2019. 3 – Các công trình trên đã được thanh toán và quyết toán xong với nhà thầu trong năm 2019...”*. Như vậy, nội dung nêu trên xác định việc xây dựng hai công trình nêu trên đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2019, nên việc ông M cho rằng có sửa chữa hay xây dựng không đạt chất lượng và chưa hoàn thành là không có cơ sở.

[2.4] Tại phiên tòa, ông M trình bày ông là người nhận công trình và giao lại cho anh Đ thực hiện một số hạng mục và các hạng mục anh Đ thi công là ông M phụ trách. Ông M là người trực tiếp nhận tiền từ giám sát công trình để hoàn trả lại cho các đội thi công do ông M phụ trách. Đồng thời, anh Đ cho rằng, anh nhận tiền thanh toán phần khối lượng thi công từ ông M chứ không biết Công ty nhận thầu xây dựng công trình. Điều này chứng tỏ, ông M dù không phải là người trực tiếp thuê anh Đ thực hiện nhưng thông qua lời trình bày trên thể hiện, anh Đ là người thi công thuộc sự quản lý của ông M, ông M nhận trách nhiệm

tổng hợp khối lượng thi công và nhận tiền từ nhà thầu để chi trả cho anh Đ. Do đó, căn cứ vào xác nhận khối lượng ngày 26/02/2018 và 25/6/2018 và căn cứ vào lời trình bày của ông M nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh Đ yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị các hạng mục đã thi công số tiền còn lại là 44.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 274, 275, 276, 385, Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

[2.5] Xét việc ông M yêu cầu anh Đ phải giao văn bản giấy tờ xác nhận để ông M có căn cứ yêu cầu công ty TNHH Hữu Trí thanh toán tiền, tại phiên tòa, ông M xác nhận không yêu cầu gì đối với Công ty TNHH Hữu Trí nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trong trường hợp có yêu cầu, ông M có thể yêu cầu bằng một vụ án khác.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 276, 280; 357, 385 của Bộ luật dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng Đ.

Buộc ông Đào Văn M có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Hoàng Đ số tiền là 44.000.000đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đào Văn M phải nộp 2.200.000đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hoàng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận

lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.301.000đồng theo biên lai thu số 0007492 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3.] Đương sự quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Mỹ Như

